

Thứ tư, ngày 10 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Nhịp đi ngang

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/06/2020		•	
Tuần 8/6-12/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index duy trì nhịp vận động tích lũy quanh ngưỡng 900 điểm. Thị trường điều chỉnh trong phiên sáng nhưng đã hồi phục trở lại trong phiên chiều. Dòng tiền trong phiên tập trung chảy vào ngành Ô tô và phụ tùng (DRC, SRC) và Bảo hiểm (BMI, PTI). Khối ngoại mua ròng trên sàn HSX trong khi bán ròng tại HNX. Thanh khoản thị trường ngang bằng với phiên trước, biên độ giao dịch nới rộng và độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực cho thấy dòng tiền nội tệ vẫn đang hỗ trợ VN-Index. BSC khuyến nghị nhà đầu tư có thể canh mua các cổ phiếu cơ bản tốt đang có dấu hiệu điều chỉnh trong đợt tích lũy này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 845 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/06/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch duy trì tại mức cao.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_BDS & Khu công nghiệp_1.7%**

Phân tích kỹ thuật: GEG_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.57** điểm, đóng cửa **900.00**. HNX-Index **+0.55** điểm, đóng cửa **120.68**.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+0.48)**; **STB (+0.40)**; **MBB(+0.35)**; **TCB(+0.30)**; **BID(+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.99)**; **VIC (-0.58)**; **GVR (-0.46)**; **GAS (-0.22)**; **SAB (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **6,373** tỷ đồng, tăng **+2.2%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là **12.39** điểm, nới rộng so với phiên liền trước. Thị trường có **220** mã tăng, **46** mã tham chiếu và **164** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **187.23** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNVD (139.04tỷ)**, **VHM (41.5 tỷ)** và **NLG (37.6 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-11.52** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

900.00

Giá trị: 6373.25 tỷ

0.57 (0.06%)

Khối ngoại (ròng): 139.04 tỷ

HNX-INDEX

120.68

Giá trị: 623.32 tỷ

0.55 (0.46%)

Khối ngoại (ròng): -11.52 tỷ

UPCOM-INDEX

57.30

Giá trị: 0.48 tỷ

0.01 (0.02%)

Khối ngoại(ròng): 4.32 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá đầu	38.0	-2.31%
Giá vàng	1,720	0.26%
Tỷ giá USD/VND	23,205	-0.15%
Tỷ giá EUR/VND	26,316	0.07%
Tỷ giá JPY/VND	21,629	0.42%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	16.85%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-0.30%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	154.0	PC1	58.2
VHM	38.9	TDh	19.8
NLG	17.2	HPG	15.9
VCB	9.7	CII	12.0
VNM	6.8	GVR	11.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH

Vietnam Daily Review

10/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_BDS & Khu công nghiệp_1.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	18/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
BDS & Khu công nghiệp	1.7%	2.3%	5.9%	35.5%	-6.0%	-6.0%	17.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.6%	2.1%	7.2%	44.3%	-0.1%	-0.1%	21.3%
Dầu khí	1.5%	3.2%	11.7%	56.6%	-15.3%	-15.3%	25.3%
VN FinSelect	1.4%	2.0%	6.8%	42.7%	-0.2%	-0.2%	19.8%
Xây dựng	1.3%	1.7%	6.5%	47.5%	1.2%	1.2%	19.0%
Chiến tranh thương mại	1.2%	4.7%	8.6%	54.3%	-2.3%	-2.3%	18.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.9%	1.5%	5.8%	41.0%	-6.2%	-6.2%	19.3%
Ngành Dược	0.9%	0.8%	1.4%	19.5%	-4.4%	-4.4%	18.1%
Ngân Hàng	0.8%	1.5%	7.8%	42.4%	2.4%	2.4%	23.2%
VN Diamond	0.8%	1.4%	4.0%	39.2%	-8.4%	-8.4%	19.4%
Stay-at-home	0.7%	2.4%	5.9%	46.7%	6.4%	6.4%	17.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.7%	5.2%	12.3%	52.9%	3.7%	3.7%	22.4%
Lãi suất giảm	0.5%	4.2%	9.3%	55.8%	2.8%	2.8%	19.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.3%	1.4%	3.0%	36.2%	-6.1%	-6.1%	17.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.3%	1.6%	5.4%	13.3%	13.3%	13.3%	25.7%
Nước & Năng lượng	0.2%	1.8%	4.7%	34.5%	-4.6%	-4.6%	16.6%
Hàng tiêu dùng	0.2%	2.4%	6.9%	58.6%	2.3%	2.3%	19.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.2%	1.3%	3.7%	46.3%	-6.5%	-6.5%	21.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	2.4%	5.8%	38.8%	-8.4%	-8.4%	16.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.3%	0.3%	4.5%	40.1%	9.0%	9.0%	15.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.3%	1.2%	2.6%	33.9%	-5.9%	-5.9%	15.8%
Corona Avengers	-0.3%	2.8%	9.3%	61.2%	6.2%	6.2%	22.0%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	2.9%	4.4%	51.3%	2.5%	2.5%	20.5%
FTSE Việt Nam	-0.6%	1.1%	2.3%	31.7%	-5.9%	-5.9%	16.8%
Mục tiêu	8/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S11	0.9%	2.9%	6.7%	34.6%	2.9%	2.9%	18.7%
M12	0.9%	2.0%	5.0%	38.1%	-1.4%	-1.4%	19.8%
M22	0.8%	1.9%	4.5%	44.0%	1.2%	1.2%	18.8%
S21	0.8%	2.3%	5.2%	44.5%	-2.2%	-2.2%	19.9%
L11	0.7%	2.7%	6.1%	37.3%	-4.9%	-4.9%	17.4%
M31	0.3%	2.4%	7.0%	43.2%	-2.3%	-2.3%	20.9%
S32	0.3%	2.0%	5.7%	53.8%	-9.8%	-9.8%	22.2%
L22	0.2%	3.7%	6.4%	49.2%	-2.2%	-2.2%	19.6%
L32	-1.2%	1.4%	7.6%	60.4%	-2.8%	-2.8%	20.8%
Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	0.9%	2.4%	5.3%	34.9%	-0.5%	-0.5%	17.0%
MID1	0.9%	1.9%	7.3%	45.7%	4.9%	4.9%	17.4%
HIGH3	0.1%	0.6%	3.8%	44.7%	3.2%	3.2%	19.0%
INDEX							
VNINDEX	0.1%	1.6%	4.1%	35.8%	-6.3%	-6.3%	16.8%
VN30INDEX	0.2%	1.5%	4.1%	37.4%	-4.5%	-4.5%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	18	6	15	9	18	6
Mục tiêu	9	8	1	8	1	9	0
Rủi ro	3	3	0	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

kanhvuq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

GEG_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ dương.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng với kênh Bollinger thu hẹp.

Nhận định: GEG đang trong quá trình hình thành xu hướng tăng giá sau khi tạo thành ngưỡng tích lũy ngắn hạn tại vùng giá 20-21. Thanh khoản cổ phiếu vẫn duy trì ở ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD đang duy trì xu hướng tích lũy trong khi chỉ báo RSI đã cho thấy dấu hiệu khởi đầu của xu hướng tăng. Đường giá cổ phiếu cũng đã chạm lại dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đang thành hình. Như vậy, nhà đầu tư trung và dài hạn có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 21 và có thể cân nhắc chốt lãi tại vùng kháng cự 25-26 trong các phiên giao dịch tới. Cát lỏ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 20.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 10/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	38.30	-1.64%	2.70%	46.40%	-27.84%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.66	-1.26%	2.20%	32.70%	-31.42%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	121.36	0.27%	8.40%	26.00%	-27.85%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1717.16	0.11%	1.00%	1.10%	20.95%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.72	1.04%	0.40%	14.40%	14.72%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	863.75	0.06%	0.70%	1.60%	-7.15%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	503.25	-0.25%	-1.70%	-3.60%	-8.38%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.70	0.68%	4.40%	51.30%	24.62%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	151.42	0.13%	5.00%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.16	1.08%	7.60%	15.20%	-11.95%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	99.70	-0.99%	-0.10%	-9.40%	-12.70%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5774.00	1.31%	4.40%	11.10%	-1.74%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	509.68	0.12%	-0.40%	4.80%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1605.50	0.03%	3.80%	8.50%	-9.70%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	108.56	-0.28%	2.60%	21.90%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	54.00	-2.61%	-4.40%	1.30%	-29.64%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8 tăng 38 US cent tương đương 0.9% lên 41.18 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 7 tăng 75 US cent tương đương 2% lên 38.94 USD/thùng.
- Giá dầu tăng bất chấp tồn trữ dầu thô của Mỹ tăng do các hạn chế bởi đại dịch khiến nhu cầu suy giảm. Tồn trữ dầu thô tăng 8,4 triệu thùng trong tuần đến ngày 5/6/2020 lên 539.4 triệu thùng, số liệu của Viện Dầu mỏ Mỹ cho biết.
- Goldman Sachs nâng dự báo giá dầu Brent năm 2020 lên 40.4 USD/thùng và dầu thô Mỹ lên 36 USD/thùng, song cảnh báo rằng giá dầu có khả năng giảm trở lại trong những tuần tới do nhu cầu không chắc chắn và tồn trữ tăng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 1.2% lên 1,714.78 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York tăng 1% lên 1,721.9 USD/ounce. Giá vàng tăng hơn 1% do nhu cầu tài sản trú ẩn an toàn tăng, khi các nhà đầu tư thận trọng chờ đợi sự rõ ràng về tình trạng nền kinh tế và các biện pháp kích thích hơn nữa từ cuộc họp chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ

Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên giảm 1% xuống 770 CNY/tấn. Thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 0.3% xuống 3,619 CNY (510.93 USD)/tấn. Giá thép cuộn cán nóng không thay đổi ở mức 3,545 CNY/tấn. Xuất khẩu sản phẩm thép của Trung Quốc trong tháng 5/2020 giảm 30% so với tháng 4/2020 xuống 4.4 triệu tấn.

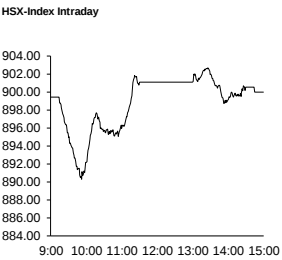
Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn TOCOM giảm 1.1 JPY xuống 162.9 JPY (1.5 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 10 CNY lên 10,640 CNY (1,501 USD)/tấn.

Giá nông sản

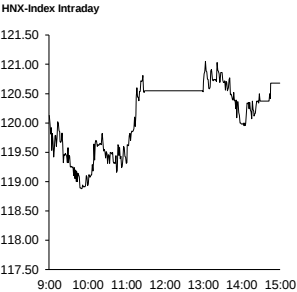
- Đường thô kỳ hạn tháng 7 trên sàn New York tăng 0.06 US cent tương đương 0.5% lên 12 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn London tăng 1 USD tương đương 0.3% lên 388.3 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 trên sàn ICE giảm 1.1 US cent tương đương 1.1% xuống 97.8 US cent/lb. Cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 29 USD tương đương 23% xuống 1,221 USD/tấn.

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

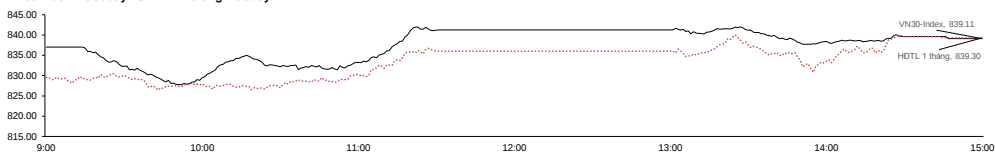
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày	
Ngành	±%
Viễn thông	-2.69%
Hóa chất	-1.69%
Thực phẩm và đồ uống	-0.84%
Công nghệ Thông tin	-0.51%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.21%
Du lịch và Giải trí	-0.04%
Truyền thông	-0.03%
Tài nguyên Cơ bản	-0.01%
Bất động sản	0.00%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.03%
Y tế	0.06%
Dầu khí	0.12%
Xây dựng và Vật liệu	0.24%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.46%
Ngân hàng	0.74%
Bán lẻ	0.93%
Dịch vụ tài chính	0.98%
Bảo hiểm	1.08%
Ô tô và phụ tùng	2.33%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2006	839.30	1.49%	0.19	17.8%	185,721	6/18/2020	10
VN30F2007	830.00	1.22%	-9.11	55.5%	1,403	7/16/2020	38
VN30F2009	816.40	1.25%	-22.71	-61.3%	118	9/17/2020	101
VN30F2012	815.80	1.14%	-23.31	25.0%	80	12/17/2020	192

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 2.09 điểm lên mức 839.11 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như STB, MBB, TCB, CTG, và MWG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm mạnh xuống dưới 830 điểm trước khi phục hồi tích cực lên trên 840 điểm. Sang phiên chiều, VN30 giảm co quanh 840 điểm. VN30 khả năng tiếp tục vận động tích lũy quanh 830-845 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2006 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2007 và VN30F2012 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 845 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CSTB2001	KIS	6/19/2020	9	1:1	1,074,010	72.1%	5.0 triệu	39.35%	1,500	640	190.91%	606.60	1.06
CSTB2003	KIS	9/16/2020	98	1:1	283,210	69.3%	3.0 triệu	39.35%	1,360	1,870	37.50%	1,201.40	1.56
CSTB2002	KIS	12/16/2020	189	1:1	126,630	-40.5%	3.0 triệu	39.35%	1,700	2,130	25.29%	1,251.30	1.70
CMBB2002	SSI	8/10/2020	61	1:1	408,650	398.2%	3.0 triệu	33.36%	1,300	1,780	17.88%	1,406.00	1.27
CTCB2004	MBS	8/18/2020	69	2:1	187,110	97.3%	2.0 triệu	35.42%	1,050	2,550	3.66%	2,528.70	1.01
CVPB2005	MBS	8/18/2020	69	2:1	373,780	23.6%	2.0 triệu	42.76%	1,510	2,700	1.89%	2,524.80	1.07
CVNM2003	MBS	9/4/2020	86	10:1	185,230	-20.6%	3.0 triệu	30.39%	1,450	3,320	1.56%	3,022.10	1.08
CNVL2001	KIS	12/16/2020	189	4:1	417,450	1201.7%	2.0 triệu	16.42%	2,300	1,160	0.87%	64.30	18.04
CHPG2004	SSI	6/15/2020	5	1:1	461,310	218.6%	5.0 triệu	35.20%	2,800	3,630	0.55%	3,515.40	1.03
CHPG2002	KIS	12/16/2020	189	2:1	337,750	-16.7%	3.0 triệu	35.20%	1,700	1,670	0.00%	921.20	1.81
CHPG2007	KIS	7/16/2020	36	1:1	39,400	543.8%	2.5 triệu	35.20%	1,660	4,650	-0.85%	4,190.20	1.11
CMSN2004	MBS	9/4/2020	86	5:1	80,590	-81.2%	1.5 triệu	32.85%	1,980	2,300	-1.29%	1,885.40	1.22
CVHM2001	KIS	12/16/2020	189	5:1	129,290	15.7%	2.0 triệu	34.66%	3,100	1,530	-1.29%	600.70	2.55
CVIC2001	KIS	12/16/2020	189	5:1	183,330	407.1%	2.0 triệu	30.16%	2,700	1,460	-1.35%	276.70	5.28
CVRE2004	KIS	7/16/2020	36	1:1	188,110	107.3%	1.0 triệu	41.47%	1,940	1,430	-1.38%	735.00	1.95
CHPG2005	VND	10/1/2020	113	1:1	37,510	-71.7%	2.0 triệu	35.20%	2,100	8,300	-1.43%	8,329.90	1.00
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	42	1:1	81,360	17.3%	1.5 triệu	42.76%	2,200	2,640	-1.49%	2,761.50	0.96
CFPT2004	SSI	8/10/2020	61	1:1	35,000	110.7%	2.0 triệu	31.78%	5,100	8,980	-4.57%	7,766.50	1.16
CPNJ2002	VND	10/1/2020	113	2:1	47,380	19.5%	1.0 triệu	35.11%	2,400	4,070	-5.79%	1,907.00	2.13
CPNJ2004	MBS	8/18/2020	69	5:1	253,510	50.7%	2.5 triệu	35.11%	1,000	1,020	-7.27%	667.10	1.53
Tổng:					4,930,610		49.00 triệu	35.06%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 10/06/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch duy trì tại mức cao.

• Về giá, CSTB2003 và CSTB2002 tăng mạnh lần lượt là 37.50% và 25.29%. Trái lại, CFPT1908 và CHPG2001 giảm mạnh lần lượt là -11.38% và -10.82%. Giá trị giao dịch tăng 13.26%. CHPG2004 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.70% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, MBB, TCB, VNM và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhqa@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
STB	11.50	6.98	1.77
MBB	18.60	2.76	0.95
TCB	21.85	1.39	0.90
CTG	24.65	1.86	0.44
MWG	89.40	0.79	0.27

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	123.0	-1.60	-1.48
VIC	95.6	-0.62	-0.38
HPG	27.0	-0.37	-0.22
FPT	48.8	-0.31	-0.12
PNJ	65.0	-0.76	-0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2001	12,499	10,999	11,500
CSTB2003	12,471	11,111	11,500
CSTB2002	13,588	11,888	11,500
CMBB2002	19,300	18,000	18,600
CTCB2004	19,100	17,000	21,850
CVPB2005	22,520	19,500	24,150
CVNM2003	108,500	94,000	123,000
CNVL2001	75,088	65,888	54,500
CHPG2004	26,300	23,500	27,000
CHPG2002	33,399	29,999	27,000
CHPG2007	24,659	22,999	27,000
CMSN2004	64,900	55,000	62,900
CVHM2001	110,067	94,567	77,500
CVIC2001	139,968	126,468	95,600
CVRE2004	4,939	2,999	27,950
CHPG2005	21,100	19,000	27,000
CVPB2003	24,200	22,000	24,150
CFPT2004	55,100	50,000	48,800
CPNJ2002	73,800	69,000	65,000
CPNJ2004	72,000	67,000	65,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	89.4	0.8%	1.3	1,760	3.9	8,808	10.1	3.0	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	65.0	-0.8%	1.3	636	2.3	5,248	12.4	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	52.8	0.8%	1.3	1,704	2.6	1,307	40.4	2.0	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	31.4	1.6%	0.4	305	0.1	2,092	15.0	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	95.6	-0.6%	0.8	14,059	2.0	2,095	45.6	4.0	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	28.0	0.2%	1.1	2,761	2.5	1,226	22.8	2.4	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.5	0.0%	0.8	2,297	2.5	3,584	15.2	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	32.0	0.0%	0.8	431	0.7	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.2	-0.4%	1.4	275	2.5	2,289	5.3	0.9	40.2%	15.9%
SSI	Chứng khoán	16.0	0.9%	1.3	418	4.5	1,415	11.3	0.9	50.3%	7.8%
VCI	Chứng khoán	25.3	1.6%	1.0	180	1.1	4,240	6.0	1.0	28.4%	18.0%
HCM	Chứng khoán	20.7	-0.2%	1.8	274	2.4	1,480	13.9	1.4	53.2%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.8	-0.3%	0.8	1,663	2.8	4,804	10.2	2.3	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	53.0	0.0%	0.4	573	0.1	4,812	11.0	2.8	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	78.0	-0.5%	1.5	6,491	1.4	5,820	13.4	2.9	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	47.7	0.2%	1.5	2,470	1.4	869	54.9	3.0	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	13.6	-0.7%	1.5	283	4.1	1,238	11.0	0.5	12.5%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.7	1.3%	0.8	1,038	1.9	898	8.6	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.2	-0.9%	0.5	530	0.1	5,046	18.5	3.5	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	15.0	0.7%	0.4	254	2.3	1,006	14.9	0.7	11.8%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.8	1.3%	0.5	203	1.0	415	21.2	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	89.6	0.1%	1.1	14,448	3.1	4,848	18.5	3.9	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	43.5	0.3%	1.4	7,607	2.4	2,140	20.3	2.3	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	24.7	1.9%	1.2	3,991	8.8	2,510	9.8	1.2	29.8%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.2	0.2%	1.2	2,560	5.8	3,750	6.4	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	18.6	2.8%	1.1	1,950	8.2	3,398	5.5	1.1	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	25.6	0.4%	1.0	1,851	7.2	3,780	6.8	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	51.6	-0.8%	0.9	184	0.4	5,303	9.7	1.6	80.3%	17.0%
NTP	Nhựa	38.5	0.8%	0.4	164	0.1	4,208	9.1	1.5	18.8%	17.0%
MSR	Tài nguyên	16.4	11.6%	0.5	705	0.1	356	46.1	1.3	2.0%	2.9%
HPG	Thép	27.0	-0.4%	1.1	3,241	11.6	2,764	9.8	1.5	36.2%	17.4%
HSG	Thép	11.1	-2.2%	1.6	213	7.9	1,493	7.4	0.8	13.9%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	123.0	-1.6%	0.8	9,313	6.7	5,453	22.6	7.1	58.9%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	178.0	-0.4%	0.8	4,963	0.3	6,719	26.5	6.6	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	62.9	-0.2%	1.0	3,197	3.3	3,961	15.9	1.7	39.2%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	16.2	0.3%	0.7	413	1.8	171	94.9	1.3	6.0%	1.5%
ACV	Vận tải	66.5	-1.5%	0.8	6,294	1.1	3,450	19.3	3.9	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	117.8	0.0%	1.1	2,683	2.8	7,110	16.6	4.1	18.4%	26.3%
HVN	Vận tải	29.9	-0.8%	1.7	1,844	2.2	1,654	18.1	2.3	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	20.9	0.7%	0.9	270	0.4	1,583	13.2	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.7	0.4%	1.1	143	0.8	2,117	5.5	0.7	25.3%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.8	-0.7%	0.9	458	0.9	9,201	7.4	3.2	2.7%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	-0.3%	0.8	372	0.3	1,453	13.1	1.3	9.8%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.9	0.3%	1.0	246	0.2	1,938	7.7	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	69.4	-1.6%	1.1	230	1.3	8,032	8.6	0.6	46.3%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.2	0.0%	0.4	484	0.1	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	20.0	0.5%	0.4	208	2.3	1,775	11.3	0.9	41.9%	8.5%
POW	Điện	11.3	1.8%	0.6	1,145	4.1	1,028	10.9	1.0	11.7%	9.4%
NT2	Điện	21.6	-0.9%	0.5	270	0.2	2,543	8.5	1.4	17.9%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	24.65	1.86	0.48	8.25MLN
STB	11.50	6.98	0.40	30.78MLN
MBB	18.60	2.76	0.35	10.29MLN
TCB	21.85	1.39	0.30	2.30MLN
BID	43.50	0.35	0.17	1.30MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	0.00	-1.00	1.24MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-0.58	488490.00	607060.00
GVR	0.00	-0.46	2.75MLN	373600.00
GAS	0.00	-0.22	426400.00	192700.00
SAB	0.00	-0.13	44990.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHS	5.36	6.99	0.03	6.77MLN
ITA	5.67	6.98	0.10	52.63MLN
STB	11.50	6.98	0.40	30.78MLN
TNC	22.25	6.97	0.01	26600.00
SVT	19.95	6.97	0.00	600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HRC	37.20	-7.00	-0.02	2320.00
PNC	9.30	-7.00	0.00	200.00
SC5	18.60	-7.00	-0.01	2570.00
KPF	14.75	-6.94	-0.01	100.00
DBC	51.40	-6.88	-0.11	2.81MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.60	0.39	0.16	6.49MLN
SHB	16.20	0.62	0.13	4.86MLN
CEO	10.30	9.57	0.13	5.18MLN
VIX	7.00	9.38	0.06	456800.00
OCH	10.20	6.25	0.05	1200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	13.00	-4.41	-0.09	3.07MLN
TVC	23.30	-9.69	-0.08	495500.00
DGC	40.00	-2.20	-0.07	538400.00
PVS	13.60	-0.73	-0.02	6.89MLN
SLS	54.50	-4.89	-0.02	13300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

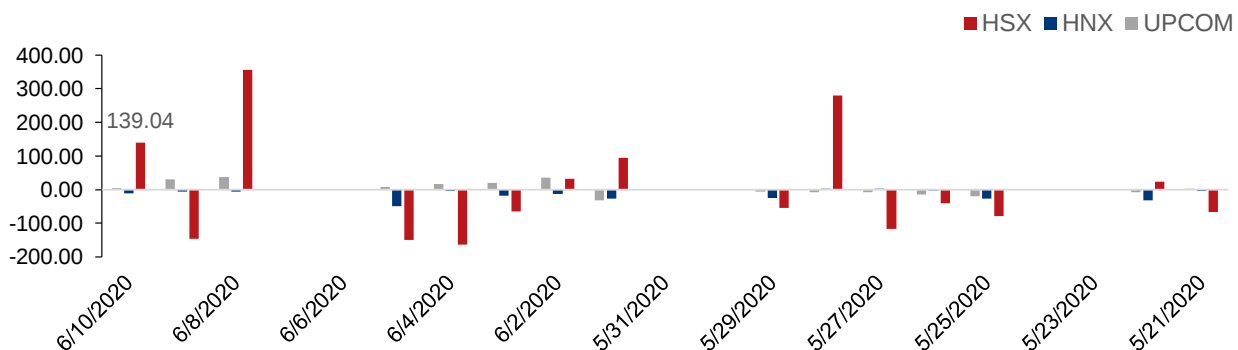
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	20.0	0.00	1.07MLN
ACM	0.70	16.7	0.01	1.80MLN
BII	1.00	11.1	0.00	2.57MLN
FID	1.00	11.1	0.00	189000.00
KVC	1.00	11.1	0.01	1.30MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
API	9.90	-10.00	-0.01	1200.00
PCG	4.50	-10.00	0.00	1500.00
HJS	21.20	-9.79	-0.01	100.00
SJ1	20.30	-9.78	-0.02	200.00
TVC	23.30	-9.69	-0.08	495500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	62.9	3,961	15.9	1.7	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.0	4,717	8.5	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.1	1,493	7.4	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	44.0	5,479	8.0	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	22.0	1,140	19.3	1.8	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.0	2,764	9.8	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	21.9	2,987	7.3	1.2	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	65.0	5,248	12.4	2.9	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	140.0	5,718	24.5	8.6	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.2	2,289	5.3	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.6	1,496	11.1	1.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	30.4	7,637	4.0	1.4	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	23.8	5,311	4.5	1.1	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	31.6	4,465	7.1	1.4	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	89.6	4,848	18.5	3.9	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	25.6	3,780	6.8	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	38.4	6,553	5.9	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	53.4	3,887	13.7	2.7	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.8	4,804	10.2	2.3	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	20.9	1,583	13.2	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương Về triển khai Mobile Money tại Việt Nam Ví điện tử tại các thị trường VGI đầu tư: (1) có liên kết với ngân hàng và chỉ có tại các nước chậm phát triển (2) các nước phát triển có thói quen dùng visa. Việt Nam đang xin cấp phép để thử nghiệm về thanh toán (1) một số hàng hóa (2) có giới hạn số tiền được chi trả mỗi tháng (3) không có tài khoản ngân hàng đảm bảo (4) nhà mạng phải ký quỹ với Ngân hàng nhà nước. Thách thức trong việc triển khai ví điện tử tại các thị trường của VGI (1) tìm đối tác là ngân hàng (2) xin được giấy phép. Khuyến nghị THEO DÕI: Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (-19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giả định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019). Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp có vị thế tiền mặt và tiền gửi ngân hàng dồi dào hàng năm và được quản lý tốt, (2) Thu nhập từ 3 liên doanh đảm bảo chính sách cổ tức hấp dẫn, chúng tôi kỳ vọng giai đoạn 2020 - 2021, doanh nghiệp sẽ trả cổ tức khoảng 4,300-5,200 đồng/cổ phiếu tương đương lợi suất cổ tức 9-10%.
VEA 2020Q2	27/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lô cao, thị phần đạt 70%. 6 lô cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: pháp phù, 5: chạy full, 6: còn đang lỗ P4 sử dụng tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan: dùng trong chất bán dẫn, màn hình tinh thể lỏng. Nhu cầu 5G cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu của P4. Nếu tăng thuế xuất khẩu P4 lên 20% (hiện tại: 5%), DGC chỉ có thể chuyển 1 phần sang cho khách hàng (5- 10%) do khách hàng có thể mua từ Morocco. Khuyến nghị THEO DÕI: Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn. Rủi ro Đầu tư: Dịch bệnh khiến ảnh hưởng kết quả kinh doanh và chất lượng tài sản. Cập nhật KQKD: (1) LNTT +19.2% yoy, trong đó tín dụng +3.7% ytd, NIM - 3 bps so với cuối năm 2019. (2) Thu nhập ngoài lãi +75.6%, trong đó: phí dịch vụ +51.5% yoy, ACB cũng ghi nhận 560 tỷ từ CK đầu tư. (3) Chi phí tín dụng tăng mạnh +462% yoy do ảnh hưởng bởi COVID-19. (4) Tỷ trọng cho vay cá nhân và SME ở mức cao (~63% tổng dư nợ cho vay). Trong đó, tỷ lệ cho cá nhân vay mua nhà ở mức ~80% dư nợ cho vay cá nhân, ~35% cho vay toàn ngân hàng. (5) Giảm lãi suất huy động ngắn hạn hỗ trợ giảm chi phí vốn cho TCB. (6) Chất lượng tài sản cải thiện nhẹ, dự kiến NPL <2% trong năm 2020. Khuyến nghị MUA: Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).
VTP 2020Q2	19/5/2020	



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chép hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn

Cộng Trại

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyễn

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn